TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/**2025/HNGĐ - ST
Ngày: 11/9/2025
V/v:" Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đổi

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Đình Thành - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn D, xã P, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông Trương Như T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn D, xã P, tỉnh Lâm Đồng

Nguyên đơn: Có mặt; Bị đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Như T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000 và hai bên có đi đăng ký kết hôn tại xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng.

Sau khi cưới vợ chồng ở nhà cha mẹ bà được 1 năm thì ra riêng. Trong cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T hay nhậu nhẹt gái gú nhưng vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và bỏ qua.

Năm 2006 vợ chồng con cái vào Dốc Đá, xã Phan Lâm để lập nghiệp, cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì ông T vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi bà đã nói nhiều lần. Ông T không bỏ được các tật xấu của mình.

Năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng ông T ham mê cờ bạc và có quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác bà đã nhiều lần khuyên ông T về với gia đình nhưng ông T vẫn không từ bỏ.

Cuộc sống chung vợ chồng không còn tình cảm, sức chịu đựng có hạn, mục đích hôn nhân không đạt bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Như T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Ngọc Thuỳ T, sinh ngày 22/3/2001, Trương Mạnh Đ, sinh ngày 17/3/2003 và Trương Thuỳ T, sinh ngày 18/01/2006 các con đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trương Như T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày: Ông và bà Lê Thị H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng và vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi cưới vợ chồng ở nhà cha mẹ bà H được 1 năm thì ra riêng.

Cuộc sống chung vợ chồng bình thường đôi lúc cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn chỉ là những cải vã trong cuộc sống vợ chồng và ông có đánh bà H.

Năm 2010 ông vào Dốc Đá, xã Phan Lâm để lập nghiệp, sau đó đưa gia đình vào đâu làm ăn và ở luôn.

Cuộc sống chung vợ chồng theo ông không xảy ra chuyện gì cả, mâu thuẫn không lớn, ông không cờ bạc, gái gú như bà H khai, vợ chồng ông rất ít khi nói chuyện vì không hợp nhau. Về yêu cầu ly hôn của bà H thì ông có ý kiến để vợ chồng đoàn tụ vì các con đã lớn rồi, ông không đến Tòa án theo giấy triệu tập đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trương Ngọc Thuỳ T, sinh ngày 22/3/2001, Trương Mạnh Đ, sinh ngày 17/3/2003 và Trương Thuỳ T, sinh ngày 18/01/2006 các con đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Để vợ chồng thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án

Hội đồng xét xử: đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 Bộ luật TTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGD năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trương Như T

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trương Như T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì giữa bà Lê Thị H và ông Trương Như T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là xã Xuân Hải, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 11/7/2000 nên xác định loại tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình và thuộc quan hệ "Tranh chấp ly hôn"

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H và ông Trương Như T trú tại Thôn D, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nay là thôn D, xã P, tỉnh Lâm Đồng nên yêu

cầu khởi kiện ly hôn của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Bình nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng theo quy định tại Điều 1, Điều 3 của Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, HĐXX nhận thấy: Bà Lê Thị H và ông Trương Như T xác lập quan hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình chung sống bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn theo bà H là ông T cờ bạc và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông T cũng thửa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông T cũng có đánh đập bà H, vợ chồng ít nói chuyện với nhau nhưng không đồng ý ly hôn.

Hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với ý kiến của ông T không đồng ý ly hôn với bà H nhưng xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, việc tiếp tục duy trì hôn nhân là không còn ý nghĩa khi mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên: là Trương Ngọc Thuỳ T, sinh ngày 22/3/2001, Trương Mạnh Đ, sinh ngày 17/3/2003 và Trương Thuỳ T, sinh ngày 18/01/2006 hiện 03 con đã trưởng thành, có khả năng lao động. Bà H không yêu cầu giải quyết là phù hợp

[5] Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trương Như T

Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Trương Ngọc Thuỳ T, sinh ngày 22/3/2001, Trương Mạnh Đ, sinh ngày 17/3/2003 và Trương Thuỳ T, sinh ngày 18/01/2006 hiện 03 con đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp tại biên lai thu số 0000913, ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nên cấn trừ bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND (khu vực 13+ Lâm Đồng);
- Phòng THADS khu vực 13;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Nữ Kiều Oanh